TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hương Giang.

2. Ông Nguyễn Văn Ta.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019; về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V, trình bày: Anh và chị H cưới nhau vào giữa năm 2015. Hôn nhân do mai mối, anh cũng đồng ý kết hôn cùng chị H nên được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh và chị H cùng sống chung gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 03-04 tháng kể từ khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do vợ chồng sống không có tình cảm, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, anh và chị H không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị H không

còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị H.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn chị Trần Thị H, trình bày: Chị và anh V cưới nhau khoảng năm 2015 – 2016, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình nhà anh V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được 05-06 tháng sau khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân sống không hợp nhau, vợ chồng cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Năm 2016, không nhớ ngày tháng thì chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung vợ chồng có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Nay anh Vũ yêu cầu ly hôn với chị, chị thống nhất ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Anh V và chị H thống nhất trình bày là anh chị chung sống với nhau không có con chung và hiện tại chị H cũng không có mang thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị H thống nhất trình bày anh chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tấn V và chị Trần Thị H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu ly hôn giữa anh V và chị Trần Thị H và chị H hiện đang cư trú tại ấp 2, xã 1, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn V và chị Trần Thị H chung sống như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh V, chị H phát sinh mâu thuẫn do không có tình cảm và bất đồng quan điểm sống nên chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến khi anh V khởi kiện yêu cầu ly hôn và chị H cũng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tuy anh V, chị H thỏa thuận thống nhất ly hôn và cũng là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng anh V, chị H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì quan hệ hôn nhân không hợp pháp, việc kết hôn không có giá trị pháp lý nhưng anh V yêu cầu ly hôn do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tấn V và chị Trần Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tấn V và chị Trần Thị H đều thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004196 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tấn V và chị Trần Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn V chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004196 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/4/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung